

Bản án số: **54/2024/DS-PT**

Ngày 04 - 9 -2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam; Bà Nguyễn Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Văn M, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà Ma Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Ma Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Triệu Văn M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 16/07/2019, ông M cho bà Ma Thị T vay số tiền nợ gốc là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay trong 02 tháng (từ 16/07/2019 đến 16/09/2019), các bên không thỏa thuận về lãi suất. Bà T có viết 01 tờ giấy tiêu đề “*dây vay tiền*” với nội dung vay số tiền 6.000.000đ để ông M giữ làm căn cứ xác nhận nợ. Đến hạn thanh toán ông M đã đòi nhiều lần nhưng bà T đều lấy lý do chưa có tiền trả nên ông M làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000đ (sáu

triệu đồng) và số tiền lãi từ 16/09/2019 đến khi khởi kiện là 54 tháng x 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng)/tháng = 3.240.000đ (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc là 6.000.000đ và lãi là 3.240.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Ma Thị T** trình bày:

Bà **T** quen biết ông **Triệu Văn M** từ năm 2017, cho đến năm 2018 thì hai người có mối quan hệ tình cảm với nhau. Trong quá trình đi lại với ông **M**, bà **T** chưa lần nào vay tiền của ông **M** và cũng chưa từng viết bất cứ một giấy tờ vay nợ nào để ông **M** giữ. Do đó, đối với giấy vay tiền ghi số tiền nợ gốc 6.000.000 đồng mà ông **M** giao nộp cho Tòa án, bà khẳng định không phải chữ ký, chữ viết của bà. Nay ông **M** khởi kiện yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000đ và số tiền lãi là 3.240.000đ, tổng cộng là 9.240.000đ, bà không nhất trí đối với bất cứ yêu cầu khởi kiện nào của ông **M** với lý do không vay tiền cũng không viết giấy vay nợ đối với ông **M**.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng không thành, vụ án được đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; khoản 2 Điều 184, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 149, Điều 280; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Văn M** đối bà **Ma Thị T** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Ma Thị T** có nghĩa vụ trả ông **Triệu Văn M** số tiền 8.776.700đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm đồng), trong đó số tiền gốc là 6.000.000đ, số tiền lãi là 2.776.700đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2024 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà **Ma Thị T** có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, với lý do bà không được vay tiền của ông **M**, bà không đồng ý trả số tiền 8.776.700 đồng cho ông **M**, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Trước khi xét xử phúc thẩm ông **Triệu Văn M** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà **T** phải trả phần tiền lãi, ông chỉ yêu cầu bà **T** thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện bà **Ma Thị T** giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà không được vay số tiền của ông **M** nên bà không nhất trí trả tiền cho ông **M**.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo bị đơn bà **Ma Thị T** hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm nguyên đơn ông **Triệu Văn M** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ông **M** chỉ yêu cầu bà **T** thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng, rút yêu cầu buộc bà **T** phải thanh toán số tiền lãi là 2.776.700đ. Tuy nhiên do bị đơn bà **Ma Thị T** không nhất trí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Ma Thị T**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà **T** thuộc trường hợp hộ nghèo, tại phiên tòa phúc thẩm bà **T** có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà **T**.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà **Ma Thị T** là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Triệu Văn M** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông **M** theo quy định tại khoản 2, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà **Ma Thị T** cho rằng bà không được vay tiền của ông **Triệu Văn M** nên bà không đồng ý trả tiền cho ông **M**. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ giấy vay tiền do người khởi kiện ông **Triệu Văn M** nộp cho Tòa án có nội dung: “*Họ tên tôi là **Ma Thị T** thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang* tôi có

vay anh **Triệu Văn M** số tiền là sáu triệu chẵn bằng số 6.000.000 với thời gian là hai tháng từ ngày 16/7/2019 đến 16/9/2019. Tôi vay số tiền để mua xe máy làm phương tiện đi lại vậy tôi viết giấy này làm chứng...”

Quá trình giải quyết vụ án bà **Ma Thị T** xác định chưa lần nào vay tiền của ông **M** và cũng chưa từng viết bất cứ một giấy tờ vay nợ nào để ông **M** giữ. Đối với Giấy vay tiền ghi số tiền nợ gốc 6.000.000 đồng mà ông **M** giao nộp cho Toà án, bà khẳng định không phải chữ ký, chữ viết của bà.

Tại Kết luận giám định số: 505/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T**, kết luận: “Chữ viết, chữ ký ghi tên **Ma Thị T** trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 (trừ chữ ký ở cuối trang) với chữ viết, chữ ký đứng tên **Ma Thị T** trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 là do cùng một người viết và ký”.

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Như vậy, ngoài lời khai của mình bà **T** ra thì bà **T** không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, do đó Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **M** buộc bà **T** phải trả tiền cho ông **M** là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà **Ma Thị T** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Bà **T** không nhất trí với kết luận giám định nhưng bà **T** không yêu cầu Toà án trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết trong “dây vay tiền” và cho rằng Toà án có trưng cầu giám định lại cũng không nộp tiền chi phí giám định; tại phiên tòa phúc thẩm bà **T** vẫn trình bày là không được vay tiền và cũng không được viết giấy vay tiền với ông **M**, bà không nhất trí với kết luận giám định nhưng không đưa ra được căn cứ.

Trước khi mở phiên tòa, do nguyên đơn ông **Triệu Văn M** rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ông **M** chỉ yêu cầu bà **T** thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng, rút yêu cầu buộc bà **T** phải thanh toán số tiền lãi là 2.776.700đ. Xét thấy: Việc nguyên đơn ông **Triệu Văn M** rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay của bà **Ma Thị T** là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội; phù hợp với nguyên tắc tự do thỏa thuận quy định tại Điều 3 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà **Ma Thị T**, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình; buộc bà **Ma Thị T** có trách nhiệm trả cho ông **Triệu Văn M** số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông **M** về việc yêu cầu bị đơn bà **Ma Thị T** phải trả số tiền lãi là 2.776.700 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà **Ma Thị T** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà **T** số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Ma Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ gốc bà **T** phải thanh toán cho ông **M**. Tuy nhiên, do bà **T** là thuộc trường hợp hộ nghèo, tại phiên tòa phúc thẩm bà **T** có đơn xin miễn án phí HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà **T**.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **1.** Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà **Ma Thị T**, sửa Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình như sau:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Triệu Văn M** về việc yêu cầu bị đơn bà **Ma Thị T** phải trả số tiền lãi 2.776.700 đồng.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Văn M** về việc yêu cầu bà **Ma Thị T** thanh toán số tiền nợ gốc 6.000.000 đồng. Bà **Ma Thị T** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Triệu Văn M** số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Ma Thị T** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà **T** số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000748 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà **T** do bà **T** là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2024).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức N - B

Triệu Ngọc T1